

**CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
DN: email=maihuong@cii.com.vn,
cn=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH, o=MST:0302483177,
l=50 Tôn Thất Đạm, Phường
Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành
Phố Hồ Chí Minh, c=VN
Date: 2019.03.28 14:49:17 +07'00'

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	12 - 64

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000747 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2001 và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 2.830.432.730.000 đồng, chia thành 283.043.273 cổ phần (tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 là 2.798.064.150.000 đồng được chia thành 279.806.415 cổ phần bằng nhau), mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Địa chỉ của Công ty: tầng 20, tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên giao dịch bằng Tiếng Anh của Công ty: Ho Chi Minh City Infrastructure Investment Joint Stock Company.

Tên Công ty viết tắt là: CII

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: CII.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Đặng Ngọc Thanh	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên
Ông Dominic Scriven	Thành viên
Ông Kang Sang In	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên
Ông John Eric T. Francia	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Thanh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Đoàn Minh Thư	Trưởng ban kiểm soát
Bà Trịnh Thị Ngọc Anh	Thành viên
Bà Trần Thị Tuất	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Quốc Bình	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 12 năm 2018)
Ông Trương Khắc Hoàn	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 12 tháng 12 năm 2018)
Ông Dương Quang Châu	Giám đốc đầu tư
Bà Nguyễn Thị Thu Trà	Giám đốc tài chính
Bà Nguyễn Thị Hồng Diệp	Giám đốc kế hoạch hành chính
Bà Nguyễn Quỳnh Hương	Giám đốc quản lý vốn
Ông Nguyễn Trường Hoàng	Giám đốc dự án

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty đã đăng ký mua thêm 5.000.000 cổ phiếu CEE của Công ty CII E&C. Thời gian thực hiện giao dịch là từ ngày 28 tháng 2 năm 2019 đến ngày 28 tháng 3 năm 2019. Mục đích thực hiện giao dịch nhằm để tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại công ty CII E&C. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã giao dịch thành công 1.197.000 cổ phiếu, nâng tỷ lệ sở hữu từ 54,97% lên 58,01%.

Ngày 25 tháng 2 năm 2019, Công ty đã phát hành thành công 370.000 trái phiếu riêng lẻ có giá trị 370.000.000.000 đồng cho Công ty TNHH Thanh Sơn Số Bốn Việt Nam. Đây là các trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo, không kèm chứng quyền với kỳ hạn 3 năm kể từ ngày phát hành. Lãi suất là 9,5%/năm, được cố định cho toàn bộ kỳ hạn của trái phiếu. Gốc của trái phiếu được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn. Lãi của trái phiếu được thanh toán 01 năm/lần.

Tính đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã mua thành công 5.226.450 cổ phiếu NBB, tăng số lượng nắm giữ cổ phiếu NBB từ 43.003.142 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ sở hữu 44,14% trên tổng số 97.432.174 cổ phiếu NBB đang lưu hành, lên thành 48.229.592 cổ phiếu NBB, chiếm tỷ lệ sở hữu 48,07% trong tổng số 100.336.256 cổ phiếu NBB đang lưu hành.

Tháng 11 năm 2018, Công ty đã đạt được thỏa thuận với Guarantco về việc hiện bảo lãnh thanh toán cho trái phiếu do Công ty phát hành với tổng giá trị là 1.150 tỷ đồng, thời hạn trái phiếu là 10 năm, lãi suất khoảng 7%/năm. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã phát hành đủ giá trị trái phiếu mà Guarantco bảo lãnh.

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài các sự kiện đã nêu trên, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2019

*Số: 269 /2019/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM***BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2019, từ trang 6 đến trang 64, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo Báo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Các kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về các Báo cáo tài chính riêng này.



Phan Huy Thắng
Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0147-2018-137-1
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2019

Nguyễn Tiên Trình
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1806-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.650.399.508.923	2.594.464.932.480
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	150.987.469.216	243.343.487.530
1. Tiền	111		150.623.832.159	202.201.382.642
2. Các khoản tương đương tiền	112		363.637.057	41.142.104.888
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	79.673.766.741
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.11	-	79.673.766.741
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.428.571.117.330	2.197.105.114.269
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	215.277.276.031	215.277.276.031
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	160.713.153.367	3.531.092.682
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	1.483.341.183.448	1.642.856.141.040
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	619.288.414.431	344.076.832.883
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(50.048.909.947)	(8.636.228.367)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	69.972.766.356	71.726.747.624
1. Hàng tồn kho	141		69.972.766.356	71.726.747.624
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		868.156.021	2.615.816.316
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		40.500.000	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	827.656.021	2.615.816.316

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.839.105.912.132	5.444.379.467.553
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.439.090.674.905	944.098.298.813
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2	215.000.000.000	215.000.000.000
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4	617.528.743.353	127.679.740.953
3. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	606.561.931.552	642.831.239.440
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.6	-	(41.412.681.580)
II. Tài sản cố định	220		1.093.593.770	1.385.218.770
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	1.093.593.770	1.385.218.770
- Nguyên giá	222		5.380.773.400	5.380.773.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.287.179.630)	(3.995.554.630)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
- Nguyên giá	228		1.058.840.204.896	1.058.840.204.896
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.058.840.204.896)	(1.058.840.204.896)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.833.501.315,00	9.056.590.794
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	2.833.501.315	9.056.590.794
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	5.395.276.927.877	4.489.608.842.456
1. Đầu tư vào công ty con	251		3.994.367.338.154	3.401.091.217.771
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.363.022.074.160	841.772.711.553
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		67.387.515.563	96.244.913.132
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(29.500.000.000)	(29.500.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	180.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		811.214.265	230.516.720
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		811.214.265	230.516.720
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		9.489.505.421.055	8.038.844.400.033

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.553.701.119.297	5.124.931.127.362
I. Nợ ngắn hạn	310		4.598.658.548.582	2.462.178.292.708
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	142.382.475.528	7.176.408.945
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.613.874.873	2.292.076.837
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.215.654.740	1.391.011.476
4. Phải trả người lao động	314		303.188.105	1.388.874.534
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		213.026.096	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	157.589.796.808	239.258.414.558
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	4.264.979.989.001	2.171.312.759.765
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		30.360.543.431	39.358.746.593
II. Nợ dài hạn	330		1.955.042.570.715	2.662.752.834.654
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.12	-	141.295.510.800
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	593.579.002.770	1.157.387.755.909
3. Trái phiếu chuyển đổi	339	5.16	1.361.463.567.945	1.364.069.567.945
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.935.804.301.758	2.913.913.272.671
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	2.935.804.301.758	2.913.913.272.671
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.830.432.730.000	2.798.064.150.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.830.432.730.000	2.798.064.150.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		385.422.992.877	385.185.572.877
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		5.968.432.055	5.968.432.055
4. Cổ phiếu quỹ	415		(851.997.873.500)	(804.209.093.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		193.013.957.959	193.013.957.959
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		372.964.062.367	335.890.252.780
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		335.890.252.780	207.000.826.572
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		37.073.809.587	128.889.426.208
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		9.489.505.421.055	8.038.844.400.033

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2019

Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Người lập biểu

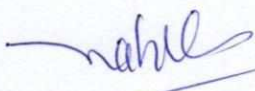
Nguyễn Thị Mai Hương
Kế toán trưởng

Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	471.943.636	374.526.800.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.18	-	41.193.977.678
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	5.18	471.943.636	333.332.822.322
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	2.643.808.425	294.309.652.907
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(2.171.864.789)	39.023.169.415
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	509.093.946.440	448.529.516.519
7. Chi phí tài chính	22	5.21	440.632.935.935	340.628.172.487
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		408.744.264.712	315.079.997.164
8. Chi phí bán hàng	25	5.22	-	3.991.318.680
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.23	24.964.618.885	41.763.702.263
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		41.324.526.831	101.169.492.504
11. Thu nhập khác	31		116.914.656	3
12. Chi phí khác	32	5.24	3.066.865.526	3.312.594.396
13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(2.949.950.870)	(3.312.594.393)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		38.374.575.961	97.856.898.111
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.25	1.300.766.374	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		37.073.809.587	97.856.898.111

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2019


 Nguyễn Thị Tuyết Nhung
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Mai Hương
 Kế toán trưởng


 Lê Quốc Bình
 Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	38.374.575.961	97.856.898.111
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2	291.625.000	287.204.694.491
Các khoản dự phòng	3	-	340.550.585
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	(385.081.830)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(508.598.264.610)	(438.950.089.522)
Chi phí lãi vay	6	412.775.537.440	315.079.997.164
Các khoản điều chỉnh khác	7	-	16.680.964.519
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	(57.541.608.039)	278.213.015.348
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	9	72.956.940.012	(43.229.680.000)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	2.643.808.425	-
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(110.766.295.265)	231.603.027.043
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(621.197.545)	1.221.566.194
Tiền lãi vay đã trả	14	(324.134.796.422)	(261.007.414.781)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(22.488.187.298)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(417.463.148.834)	184.312.326.506
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(10.749.258.950)	(22.787.348.858)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	702.000.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.493.002.903.262)	(2.874.836.595.752)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.881.644.601.980	1.446.022.302.794
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(951.815.095.753)	(1.834.358.583.956)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	31.634.497.569	320.325.909.304
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	259.585.486.868	77.727.076.727
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.282.702.671.548)	(2.185.907.239.741)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

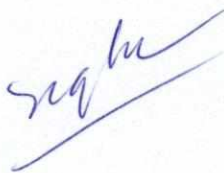
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	30.000.000.000	-
2. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(47.788.780.500)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	4.222.521.079.096	4.751.240.765.757
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.596.579.402.971)	(2.467.648.401.249)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(343.093.557)	(287.712.972.221)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.607.809.802.068	1.995.879.392.287
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(92.356.018.314)	(5.715.520.948)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	243.343.487.530	249.059.008.478
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	150.987.469.216	243.343.487.530

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2019



Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Người lập biểu



Nguyễn Thị Mai Hương
Kê toán trưởng





Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000747 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2001 và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 2.830.432.730.000 đồng, chia thành 283.043.273 cổ phần (tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 là 2.798.064.150.000 đồng được chia thành 279.806.415 cổ phần bằng nhau), mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tên giao dịch bằng Tiếng Anh của Công ty: Ho Chi Minh City Infrastructure Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: CII.

Địa chỉ của Công ty: tầng 20, tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 81 (tại ngày 1 tháng 1 năm 2018: 126).

1.2 Ngành nghề kinh doanh chính và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); kinh doanh bất động sản; thực hiện thu phí giao thông đường bộ; sản xuất, mua bán các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thu phí giao thông và xây dựng; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình đường ống thoát nước.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); thực hiện thu phí giao thông đường bộ; đầu tư và quản lý các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.3 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào chín (09) công ty con và ba (03) công ty liên doanh, liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Các công ty con				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R)	Tp. Hồ Chí Minh	54,40%	54,40%	Đầu tư vào các dự án cầu đường
2. Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (KBTT)	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư vào dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong khu đô thị mới Thủ Thiêm theo hợp đồng B.T. Kinh doanh bất động sản
3. Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil (VPIL)	TP. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật
4. Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (SII)	Tp. Hồ Chí Minh	50,61%	50,61%	Kinh doanh hạ tầng nước môi trường
5. Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ (Tên cũ: Công ty CP Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ)	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh bất động sản
6. Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C)	TP. Hồ Chí Minh	54,97%	54,97%	Thi công xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật
7. Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ gia (Lu Gia Land)	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Cho thuê văn phòng
8. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	Tp. Hồ Chí Minh	98,85%	98,85%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T Cầu Bình Triệu
9 Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ thu phí giao thông, dịch vụ hạ tầng

1.3 Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Các công ty liên doanh, liên kết				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy ("NBB")	Tp. Hồ Chí Minh	44,14%	44,14%	Kinh doanh bất động sản
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội (HNHC)	TP. Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
3. Công ty Cổ phần Hòa Phú	TP. Hồ Chí Minh	28,95%	28,95%	Đầu tư xây dựng khai thác kinh doanh hạ tầng công nghiệp

Ngoài các công ty đang đầu tư trực tiếp, Công ty cũng thực hiện đầu tư gián tiếp vào các công ty con và công ty liên doanh, liên kết thông qua các công ty con đầu tư trực tiếp như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua CII B&R				
Công ty con				
1. Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn (SGBC)	TP. Hồ Chí Minh	89,98%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội (HNHC)	TP. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận (Ninh Thuan Invest JSC)	TP. Hồ Chí Minh & Tỉnh Ninh Thuận	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
4. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận (BOT Ninh Thuận)	TP. Hồ Chí Minh & Tỉnh Ninh Thuận	100%	100%	Đầu tư xây dựng và thu phí giao thông hoàn vốn cho dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
5. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	TP. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư xây dựng các dự án cầu đường

1.3 Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua CII B&R (tiếp theo)				
6. Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII (CII Investment)	TP. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư xây dựng các dự án cầu đường
7. Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu (BOTRM)	Tỉnh Bến Tre	51,34%	51,75%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu
8. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (VRG)	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
Công ty liên doanh				
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	TP. Hồ Chí Minh	10%	10%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận
Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua SII				
Công ty con				
1. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro (Enviro)	Tp. Hồ Chí Minh	85%	85%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	Tỉnh Lâm Đồng	90%	90%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku	Tỉnh Gia Lai	55%	55%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
4. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	Tp. Hồ Chí Minh	50,98%	50,98%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
5. Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước châu Á	Tp. Hồ Chí Minh	51%	51%	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và chống thất thoát nước
6. Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	Tỉnh Gia Lai	51%	51%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
7. Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	51%	51%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

1.3 Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua SII (tiếp theo)				
8. Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
Công ty liên kết				
1. Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	Tp. Hồ Chí Minh	43%	43%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua CII E&C				
Công ty con				
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (NQN)	Tỉnh Quảng Ngãi	100%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá
2. Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây dựng CII E&C (CII E&C-BM)	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Buôn bán vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
3. Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C (CII E&C-CC)	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Xây dựng công trình kỹ thuật
4. Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia	Tp. Hồ Chí Minh	99,81%	99,81%	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện; kinh doanh bất động sản
Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII				
Công ty con				
1. Công ty TNHH Dịch vụ MCSC (MCSC)	Tỉnh Bình Dương	100%	100%	Cung cấp dịch vụ thu phí giao thông đường bộ
Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ gia				
Công ty liên kết				
1. Công ty CP Đầu tư Bất động sản Thủ Thiêm River Park	Tp. Hồ Chí Minh	35,96%	35,96%	Kinh doanh bất động sản

(Từ công ty con trở thành công ty liên kết)

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền): Đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Tỷ giá Công ty áp dụng để đánh giá lại tiền bằng ngoại tệ là 23.150 VND/USD.

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Nợ phải thu): Đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Tỷ giá Công ty áp dụng để đánh giá lại tiền bằng ngoại tệ là 23.150 VND/USD.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp theo)

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), gồm: Cổ phiếu; trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị ghi sổ theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn từ sau ngày mua được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi và các khoản lợi ích khác mà Công ty được hưởng trước khi nắm giữ khoản đầu tư được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2014/TT-BTC ngày 28/6/2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu về cho vay là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền thu phí giao thông, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty và các cơ quan chủ quản của Nhà Nước. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án theo hợp đồng đã ký.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	07 - 11
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo phương pháp tỷ trọng doanh thu. Giá trị trích khấu hao hàng năm được tính bằng nguyên giá nhân với tỷ lệ giữa doanh thu thu được hàng năm và tổng doanh thu ước tính.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay của dự án B.O.T và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các dự án B.O.T là chi phí phát sinh trong giai đoạn thu phí hoàn vốn đầu tư. Chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông của dự án.

Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí bảo dưỡng đường xá, di dời trạm, chi phí in vé cầu đường, chi phí công cụ, dụng cụ ... Các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, trong thời hạn từ 2 đến 3 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;

Khoản chiết khấu hoặc phụ trội được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ vào chi phí đi vay theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu chuyển đổi được xác định riêng biệt thành giá trị cầu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả, cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính và được xác định theo giá trị phân bổ (trừ đi chi phí phát hành) cho đến khi được hủy bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí đi vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu.

Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí đi vay phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

Tại thời điểm đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Trường hợp người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả gốc trái phiếu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi (Tiếp theo)

Trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm và vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi tăng tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm. Phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là khoản thặng dư vốn cổ phần.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu, là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp theo từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu hoạt động thu phí hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T

Doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông đường bộ trong giai đoạn thu phí được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé cầu đường với mức thu được quy định bởi Nhà nước áp dụng trên mỗi tuyến đường bộ nhất định mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

Doanh thu lãi bảo toàn vốn chủ đầu tư các dự án B.O.T

Lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư vốn chủ sở hữu Công ty đầu tư vào dự án và tỷ suất lợi nhuận định mức theo quy định của hợp đồng B.O.T. Khoản lợi nhuận này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu phí hàng năm.

Công ty áp dụng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013 trong việc ghi nhận khoản lãi bảo toàn vốn chủ này.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh..

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	110.975.240	46.116.512
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	150.512.856.919	202.155.266.130
Các khoản tương đương tiền	363.637.057	41.142.104.888
Cộng	150.987.469.216	243.343.487.530

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn gốc từ dưới 3 tháng.

5.2 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu từ việc bán phần vốn trong công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát (i)	215.000.000.000	215.000.000.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	277.276.031	277.276.031
	215.277.276.031	215.277.276.031
b. Dài hạn		
Phải thu từ việc bán phần vốn trong công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát (i)	215.000.000.000	215.000.000.000
Cộng các khoản phải thu khách hàng	430.277.276.031	430.277.276.031

(i) Đây là khoản phải thu về giá trị chuyển nhượng phần vốn góp trong công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát cho Công ty NBB.

5.3 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần Hoàng An (i)	158.442.612.763	-
Nhà cung cấp khác	2.270.540.604	3.531.092.682
Cộng	160.713.153.367	3.531.092.682

(i) Khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Hoàng An để nhận chuyển nhượng các khoản đầu tư.

5.4 PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu các bên liên quan (*)	923.001.812.694	1.298.750.963.606
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc (i)	344.105.177.434	344.105.177.434
Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An (ii)	171.234.193.320	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành	45.000.000.000	-
	1.483.341.183.448	1.642.856.141.040
b. Dài hạn		
Phải thu các bên liên quan (*)	617.528.743.353	102.028.743.353
Các khoản hợp tác đầu tư vốn vào các dự án khác	-	25.650.997.600
	617.528.743.353	127.679.740.953
Cộng các khoản cho vay	2.100.869.926.801	1.770.535.881.993

(*) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay đối với các bên liên quan:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công ty CII B&R (iii)	848.559.130.000	899.036.130.000
Công ty HNHC	21.584.078.710	392.164.833.606
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	52.858.603.984	-
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ Gia	-	7.550.000.000
	923.001.812.694	1.298.750.963.606
b. Dài hạn		
Công ty CP BOT Trung Lương Mỹ Thuận (iv)	505.500.000.000	-
Công ty NBB (v)	112.028.743.353	102.028.743.353
Các khoản cho vay khác	-	25.650.997.600
	617.528.743.353	127.679.740.953
Cộng phải thu các bên liên quan	1.540.530.556.047	1.426.430.704.559

Thông tin bổ sung cho các khoản cho vay trọng yếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

- (i) Khoản cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc vay bao gồm:
- Khoản cho vay tín chấp theo hợp đồng ký ngày 2 tháng 12 năm 2015 với lãi suất cho vay trong kỳ là 10,5%/năm. Hạn mức cho vay là 150 tỷ VND và có thời hạn giải ngân trong vòng 18 tháng. Số dư cuối kỳ của khoản cho vay này là 44.105.177.434 VND;
 - Khoản cho vay theo hợp đồng ký ngày 9 tháng 1 năm 2017 với số tiền cho vay là 300 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay là 0,8%/tháng, được thanh toán vào ngày đáo hạn khoản cho vay. Khoản cho vay được đảm bảo bằng lợi ích kinh tế mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc thu được từ hoạt động đầu tư có sử dụng vốn vay.

5.4 PHẢI THU VỀ CHO VAY (Tiếp theo)

- (i) Khoản cho Công ty Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An vay bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn của hợp đồng là 10 năm kể từ ngày 26 tháng 1 năm 2018. Bên đi vay cam kết ngay khi nhận được các khoản phân chia từ Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu hoặc ngay khi thu xếp được tài chính sẽ thực hiện hoàn trả nợ vay cho Công ty. Trong kỳ, khoản cho vay được hưởng lãi suất là 10,5%/năm. Khoản cho vay được đảm bảo bằng phần vốn của bên đi vay trong Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu.
- (ii) Khoản cho Công ty CII B&R vay bao gồm:
- Khoản cho vay theo hợp đồng ký ngày 13 tháng 4 năm 2015 với số tiền là 385.708.750.000 đồng và lãi suất trong kỳ là 4,25%/năm để CII B&R thực hiện góp vốn vào Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ vốn cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc. Khoản cho vay này được đảm bảo bởi cổ phần mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc đang đầu tư.
 - Khoản cho vay theo hợp đồng ký ngày 15 tháng 8 năm 2017 với số tiền cho vay là 462.850.380.000 đồng để CII B&R thực hiện đầu tư vào dự án B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận. Lãi suất cho vay là 10,5%/năm. Khoản cho vay được đảm bảo số lượng cổ phần Công ty BOT Trung Lương- Mỹ Thuận do CII B&R sở hữu.
- (iii) Khoản cho Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận vay theo hợp đồng ký ngày 20 tháng 12 năm 2017 để đầu tư vào dự án đang thực hiện. Thời hạn của hợp đồng là 11 năm. Lãi suất cho vay được áp dụng trong kỳ là 10,5%/năm.
- (ii) Khoản cho Công ty NBB vay dài hạn để đầu tư vào dự án đang thực hiện. Thời hạn của hợp đồng là 5 năm kể từ ngày 12 tháng 1 năm 2016.

5.5 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a. Ngắn hạn		
Cổ tức và lợi nhuận được chia	244.868.013.167	205.466.769.798
Lãi trái phiếu, tiền gửi và lãi cho vay	264.568.622.462	130.782.984.684
Các khoản tiền cầm cố	46.969.905.711	-
Nợ gốc trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng đã đến hạn	41.412.681.580	-
Vốn góp theo hợp đồng BCC	21.151.822.600	-
Các khoản chi hộ	-	564.511.200
Phải thu người lao động	262.100.000	79.000.000
Lãi vốn chủ dự án B.O.T Cầu Rạch Chiếc	-	-
Các khoản phải thu khác	55.268.911	7.183.567.201
	619.288.414.431	344.076.832.883

5.5 PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
b. Dài hạn		
Vốn góp vào dự án Diamond Riverside theo hợp đồng BCC	498.179.815.362	492.869.280.000
Ký cược, ký quỹ	108.382.116.190	108.549.277.860
Nợ gốc trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng đã đến hạn	-	41.412.681.580
	606.561.931.552	642.831.239.440
Cộng các khoản phải thu khác	1.225.850.345.983	986.908.072.323
<u><i>Trong đó, phải thu các bên liên quan:</i></u>		
Công ty CII B&R		
Lãi cho vay	134.741.878.434	-
Công ty HNHC	197.272.415.249	205.489.364.467
Lãi trái phiếu và lãi cho vay	295.935.549	66.130.703.448
Cổ tức, lợi nhuận được chia	196.976.479.700	131.801.490.313
Các khoản phải thu khác	-	7.557.170.706
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.150.238.001	12.000.000.000
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ Gia	-	11.939.930.556
Lãi cho vay	-	1.939.930.556
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	10.000.000.000
Công ty CII E&C		
Cổ tức	-	21.165.112.000
Công ty NBB	56.118.636.296	38.037.816.084
Lãi cho vay	21.611.327.538	11.764.527.484
Lợi nhuận đảm bảo của dự án Diamond Riverside	34.507.308.758	26.273.288.600
Công ty CP BOT Trung Lương Mỹ Thuận		
Lãi cho vay	26.814.620.253	-
Cộng phải thu các bên liên quan	419.097.788.233	288.632.223.107

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.6 NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

Nội dung	31/12/2018			01/01/2018		
	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
a. Ngắn hạn						
Phải thu ngắn hạn khác	50.048.909.947	-	(50.048.909.947)	8.636.228.367	-	(8.636.228.367)
b. Dài hạn						
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	41.412.681.580	-	(41.412.681.580)
Cộng	50.048.909.947	-	(50.048.909.947)	50.048.909.947	-	(50.048.909.947)

5.7 HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	69.972.766.356	-	71.726.747.624	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2018	176.846.400	5.168.827.000	35.100.000	5.380.773.400
Tại ngày 31/12/2018	176.846.400	5.168.827.000	35.100.000	5.380.773.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2018	176.846.400	3.783.608.230	35.100.000	3.995.554.630
Tăng trong năm	-	291.625.000	-	291.625.000
Khấu hao trong năm	-	291.625.000	-	291.625.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	176.846.400	4.075.233.230	35.100.000	4.287.179.630
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2018	-	1.385.218.770	-	1.385.218.770
Tại ngày 31/12/2018	-	1.093.593.770	-	1.093.593.770

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 là 2.464.523.400 đồng.

5.9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền thu phí giao thông VND
NGUYỄN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2018	1.058.840.204.896
Tại ngày 31/12/2018	1.058.840.204.896
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2018	1.058.840.204.896
Tại ngày 31/12/2018	1.058.840.204.896
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2018	-
Tại ngày 31/12/2018	-

Công ty được quyền thu phí giao thông tại trạm Xa lộ Hà Nội để hoàn vốn đã ứng xây dựng cầu Rạch Chiếc mới theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền quản lý, thu phí giao thông ngày 2 tháng 12 năm 2008 ký với Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và các phụ lục. Công ty bắt đầu thực hiện thu phí từ 0h ngày 1 tháng 6 năm 2013. Công ty đã kết thúc thu phí hoàn vốn kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2017 do đó toàn bộ giá trị của quyền thu phí đã được khấu hao hết. Công ty đang thực hiện các thủ tục quyết toán dự án với UBND Thành phố Hồ Chí Minh để làm cơ sở thanh lý tài sản.

5.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Dự án BOT Cầu đường Bình Triệu 2	-	3.619.526.595
Các dự án khác	2.833.501.315	5.437.064.199
Cộng	2.833.501.315	9.056.590.794

Trong năm, Công ty đã chuyển giao toàn bộ chi phí đầu tư của Dự án BOT Cầu đường Bình Triệu 2 cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu – Công ty dự án tiếp quản và tiếp tục đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.11 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2018				01/01/2018			
	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
a. Đầu tư vào công ty con								
Công ty CII B&R	104.915.852	1.255.417.159.414	-	2.628.142.092.600	104.737.912	1.250.893.797.031	-	2.456.104.036.400
Công ty KBTT	-	1.500.000.000.000	-	-	-	921.631.000.000	-	-
Công ty SII	32.654.750	485.383.662.063	-	643.298.575.000	32.654.750	485.383.662.063	-	718.404.500.000
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	-	270.020.000.000	-	-	27.000.000	270.000.000.000	-	-
Công ty CII E&C	21.715.112	249.116.738.331	-	418.015.906.000	21.165.112	238.752.980.331	-	520.661.755.200
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ Gia	-	150.000.000.000	-	-	-	150.000.000.000	-	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	4.860.450	69.382.887.750	-	-	4.860.450	69.382.887.750	-	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	10.000.000.000	-	-	-	10.000.000.000	-	-
Công ty VPII	499.998	5.046.890.596	-	-	499.998	5.046.890.596	-	-
Cộng		3.994.367.338.154	-	3.689.456.573.600		3.401.091.217.771	-	3.695.170.291.600
b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết								
Công ty NBB	43.003.142	810.642.074.160	-	877.264.096.800	31.074.262	560.068.711.553	-	621.485.240.000
Công ty HNHC	51.938.000	519.380.000.000	-	-	24.870.400	248.704.000.000	-	-
Công ty CP Hòa Phú	3.300.000	33.000.000.000	-	-	3.300.000	33.000.000.000	-	-
Cộng		1.363.022.074.160	-	877.264.096.800		841.772.711.553	-	621.485.240.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.11 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	31/12/2018				01/01/2018			
	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
Công ty SGBC	2.791.890	3.187.515.563	-		2.791.890	32.044.913.132	-	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng	1.180.000	29.500.000.000	(29.500.000.000)	-	1.180.000	29.500.000.000	(29.500.000.000)	-
Công ty BOT Cầu Phú Mỹ	297.000	29.700.000.000	-	-	297.000	29.700.000.000	-	-
Công ty CP Du lịch Mê Kông - Mỹ Tho	5.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000	5.000.000.000	-	-
Cộng		67.387.515.563	(29.500.000.000)	-		96.244.913.132	(29.500.000.000)	-

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty đã niêm yết trên thị trường chứng khoán như Công ty CII B&R, Công ty SII, Công ty CII E&C và Công ty NBB được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng.

Giá trị hợp lý của các công ty còn lại không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

5.11 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

d. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	79.673.766.741	79.673.766.741
Dài hạn				
Đầu tư trái phiếu	-	-	180.000.000.000	180.000.000.000

5.12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Nợ gốc	Số có khả năng trả nợ	Nợ gốc	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn				
Công ty SII	141.300.373.374	141.300.373.374	2.660.462.296	2.660.462.296
Nhà cung cấp khác	1.082.102.154	1.082.102.154	4.515.946.649	4.515.946.649
	142.382.475.528	142.382.475.528	7.176.408.945	7.176.408.945
b. Dài hạn				
Công ty SII	-	-	141.295.510.800	141.295.510.800
Cộng	142.382.475.528	142.382.475.528	148.471.919.745	148.471.919.745
<i>Trong đó, phải trả cho các bên liên quan</i>				
Công ty SII	141.300.373.374	141.300.373.374	143.955.973.096	143.955.973.096
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	-	355.048.709	355.048.709
	141.300.373.374	141.300.373.374	144.311.021.805	144.311.021.805

5.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.128.422.395	1.300.766.374	-	827.656.021
Các khoản khác	487.393.921	487.393.921	-	-
Cộng	2.615.816.316	1.788.160.295	-	827.656.021
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	111.605.175	47.194.364	64.410.811
Thuế thu nhập cá nhân	1.391.011.476	4.242.350.179	5.146.711.341	486.650.314
Thuế nhà thầu	-	4.198.749.075	3.540.928.232	657.820.843
Các khoản khác	-	1.591.792.325	1.585.019.553	6.772.772
Cộng	1.391.011.476	10.144.496.754	10.319.853.490	1.215.654.740

5.14 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	-	94.058.727
Bảo hiểm xã hội	-	196.184.455
Bảo hiểm y tế	74.933.870	-
Phải trả chi phí sử dụng vốn các Công ty trong tập đoàn	8.730.816.242	24.262.454.707
Phải trả lãi trái phiếu	72.868.601.609	46.525.439.626
Phải trả lãi vay ngân hàng và các cá nhân khác	3.366.347.219	4.328.066.077
Phải trả chi phí duy tu trạm thu phí	28.752.293.140	33.752.293.140
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.250.960.407	3.594.053.964
Phải trả vốn và lợi nhuận hợp tác đầu tư	-	101.641.887.273
Phải trả lãi chậm thanh toán	24.264.744.321	8.750.810.623
Các khoản phải trả khác	16.281.100.000	16.113.165.966
Cộng	157.589.796.808	239.258.414.558

5.14 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC (Tiếp theo)

Trong đó, phải trả các bên liên quan như sau:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty CII B&R	2.045.196.857	102.761.965.369
Vốn hợp tác đầu tư	-	101.641.887.273
Phải trả chi phí sử dụng vốn	2.045.196.857	1.120.078.096
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	215.369.944	1.008.622.539
Phải trả chi phí sử dụng vốn	215.369.944	1.008.622.539
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng 152 Điện Biên Phủ	13.454.000.000	13.866.973.632
Phải trả chi phí sử dụng vốn	-	412.973.632
Các khoản thu hộ	13.454.000.000	13.454.000.000
Công ty CII E&C	3.564.424.372	10.356.121.582
Chi phí sử dụng vốn	3.564.424.372	10.356.121.582
Công ty KBTT	-	11.047.671.259
Chi phí sử dụng vốn	-	11.047.671.259
Công ty VPII	423.270.529	85.209.822
Chi phí sử dụng vốn	423.270.529	85.209.822
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ Gia	1.975.801.116	-
Chi phí sử dụng vốn	1.975.801.116	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	307.298.777
Chi phí sử dụng vốn	-	231.777.777
Các khoản khác	-	75.521.000
Công ty SII	24.264.744.321	8.750.810.623
Lãi trả chậm phải thanh toán	24.264.744.321	8.750.810.623
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	-	-
Chi phí sử dụng vốn	255.000.000	-
Công ty CII E&C-CC	251.753.424	-
Chi phí sử dụng vốn	251.753.424	-
Công ty SGBC	2.777.100.000	2.533.644.966
Cộng phải trả các bên liên quan	49.226.660.563	150.718.318.569

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.15 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2018		Phát sinh trong năm		01/01/2018	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Vay các bên liên quan (*)	1.588.522.438.113	1.588.522.438.113	1.764.524.388.705	1.421.438.775.740	1.245.436.825.148	1.245.436.825.148
Ngân hàng HD Bank	300.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000	299.000.000.000	299.000.000.000	299.000.000.000
Ngân hàng VP Bank - CN Tp. Hồ Chí Minh	200.000.000.000	200.000.000.000	90.000.000.000	196.000.000.000	306.000.000.000	306.000.000.000
Ngân hàng TP Bank- CN Tp. Hồ Chí Minh	101.189.396.413	101.189.396.413	101.189.396.413	-	-	-
Vay các công ty và cá nhân khác	272.085.725.670	272.085.725.670	281.585.725.670	9.500.000.000	-	-
Công ty CP Chứng Khoán Bản Việt	-	-	183.772.433.422	239.420.145.131	55.647.711.709	55.647.711.709
Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Sài Gòn	-	-	-	71.068.671.233	71.068.671.233	71.068.671.233
Công ty CP Chứng khoán Việt Thành	-	-	3.049.285.592	6.137.503.267	3.088.217.675	3.088.217.675
Các ngân hàng khác	-	-	203.450.000.000	203.450.000.000	-	-
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh b)	97.633.127.761	97.633.127.761	-	-	191.071.334.000	191.071.334.000
Mệnh giá trái phiếu đến hạn (xem Thuyết minh b)	1.711.851.000.000	1.711.851.000.000	-	-	-	-
Chi phí phát hành trái phiếu đến hạn (xem Thuyết minh b)	(6.301.698.956)	(6.301.698.956)	-	-	-	-
Cộng	4.264.979.989.001	4.264.979.989.001	2.927.571.229.802	2.446.015.095.371	2.171.312.759.765	2.171.312.759.765

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.15 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(*) Chi tiết vay các bên liên quan

	31/12/2018		Phát sinh trong năm		01/01/2018	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	37.758.205.800	37.758.205.800	-	10.784.492.609	48.542.698.409	48.542.698.409
CIIB B&R	46.520.670.425	46.520.670.425		134.227.431.088	180.748.101.513	180.748.101.513
Công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát	299.980.000.000	299.980.000.000	-	-	299.980.000.000	299.980.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng 152 Điện	-	-		73.011.986.203	73.011.986.203	73.011.986.203
CII E&C	249.786.185.185	249.786.185.185	694.866.008.705	642.654.013.578	197.574.190.058	197.574.190.058
Công ty KBTT	760.085.718.361	760.085.718.361	867.158.380.000	532.384.638.929	425.311.977.290	425.311.977.290
Lữ Gia Land	165.223.786.667	165.223.786.667	177.500.000.000	12.276.213.333	-	-
Vinaphil	4.167.871.675	4.167.871.675			4.167.871.675	4.167.871.675
Dân dụng CIIE&C	25.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000	-		-
DVHT	-	-		16.100.000.000	16.100.000.000	16.100.000.000
Cộng	1.588.522.438.113	1.588.522.438.113	1.764.524.388.705	1.421.438.775.740	1.245.436.825.148	1.245.436.825.148

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.15 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn:

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng VP Bank - CN Tp. Hồ Chí Minh	200.000.000.000	12 tháng	29/06/2019	8,60%	Hợp tác với Công ty CII E&C để thi công xây dựng dự án BOT mở rộng Xa lộ Hà Nội	Thế chấp bằng các cổ phiếu sau: - SII: 7.300.000 cổ phiếu - CEE: 830.000 cổ phiếu
Ngân hàng HD Bank	300.000.000.000	10 tháng	13/02/2019	10,00%	Hợp tác với Công ty CII E&C để thực hiện thi công Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60 nối cầu Rạch Miễu đến cầu Cổ Chiên, tỉnh Bến Tre, giai đoạn 2	Thế chấp bằng các cổ phiếu sau: - SII: 3.527.050 cổ phiếu - LGC: 4.100.000 cổ phiếu
Ngân hàng TP Bank- CN Tp. Hồ Chí Minh	101.189.396.413	12 tháng	12/01/2019	8,80%	Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 33/2017/HĐ-CII ký ngày 24/11/2017 giữa CII và Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	Quyền tài sản và toàn bộ các lợi ích phát sinh từ hợp đồng BOT Dự án Cao ốc văn phòng tại số 152 Điện Biên Phủ, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Các bên liên quan, các công ty và cá nhân khác	1.860.608.163.783	<= 12 tháng		8,5%- 10,5%	Bổ sung vốn lưu động	Vay tín chấp, không có tài sản đảm bảo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.15 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2018		Phát sinh trong năm		01/01/2018	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Các khoản vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Sài Gòn	41.671.665.000	41.671.665.000	-	83.331.334.000	125.002.999.000	125.002.999.000
Ngân hàng TMCP Việt Á	55.961.462.761	55.961.462.761	-	50.038.537.239	106.000.000.000	106.000.000.000
Ngân hàng TP Bank- CN Tp. Hồ Chí Minh	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(97.633.127.761)	(97.633.127.761)			(191.071.334.000)	(191.071.334.000)
	-	-	-	158.369.871.239	64.931.665.000	64.931.665.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.15 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

	31/12/2018		Phát sinh trong năm		01/01/2018	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Trái phiếu phát hành						
Trái phiếu hoán đổi phát hành cho VIAC năm 2015	462.851.000.000	462.851.000.000	-	-	462.851.000.000	462.851.000.000
Trái phiếu 650 tỷ phát hành cho Vietinbank năm 2014	69.000.000.000	69.000.000.000	1.304.000.000	6.000.000.000	73.696.000.000	75.000.000.000
Trái phiếu CII 11709	198.636.363.637	200.000.000.000	2.727.272.728	-	195.909.090.909	200.000.000.000
Trái phiếu CII 11713	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
Trái phiếu CII122020	296.800.000.000	300.000.000.000	236.800.000.000	-	60.000.000.000	60.000.000.000
Trái phiếu CII_BOND2018_01	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-	-
Trái phiếu BOND2018_02	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000			
Trái phiếu CII072019	575.061.937.407	580.000.000.000	575.061.937.407			
Trái phiếu CII122019	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000			
Trả trước chi phí phát hành trái phiếu	(3.220.997.230)	-	-	3.220.997.230		
Trừ: Mệnh giá phải trả trong 12 tháng tới	(1.711.851.000.000)	(1.711.851.000.000)	-	-	-	-
Cộng: Chi phí phát hành trái phiếu kết chuyển vào chi phí trong 12 tháng tới	6.301.698.956	-	-	-	-	-
	<u>593.579.002.770</u>	<u>600.000.000.000</u>	<u>1.215.893.210.135</u>	<u>9.220.997.230</u>	<u>1.092.456.090.909</u>	<u>1.097.851.000.000</u>
Cộng vay và trái phiếu	<u>593.579.002.770</u>	<u>600.000.000.000</u>	<u>1.215.893.210.135</u>	<u>167.590.868.469</u>	<u>1.157.387.755.909</u>	<u>1.162.782.665.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.15 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn:

<u>Bên cho vay</u>	<u>Số dư</u>	<u>Thời hạn vay</u>	<u>Ngày đáo hạn</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Mục đích vay</u>	<u>Tài sản đảm bảo</u>
Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Sài Gòn	41.671.665.000	3 năm	25/04/2019	Lãi suất trong kỳ là 9%	Bổ sung vốn hợp tác với Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII thi công xây dựng dự án BOT mở rộng Xa lộ Hà Nội	10.327.700 cổ phiếu SII
Ngân hàng TMCP Việt Á	55.961.462.761	4 năm	30/06/2019	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 11%	Đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc (Khu chức năng số 3 và số 4) và hoàn thiện đường trục Bắc - Nam (đoạn từ chân cầu Thủ Thiêm 1 đến Mai Chí Thọ) trong khu đô thị mới Thủ Thiêm	9.133.815 cổ phiếu NBB và 500.000 cổ phiếu LGC cùng lợi tức kèm các lợi ích vật chất khác phát sinh từ tài các cổ phiếu này

5.15 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thông tin bổ sung cho các khoản trái phiếu chưa đáo hạn:

Trái phiếu hoán đổi cổ phần Công ty BOT Trung Lương – Mỹ Thuận phát hành cho VIAC (No. 1) Limited Partnership

- Mệnh giá: 1.000.000 đồng/trái phiếu (một triệu đồng);
- Số lượng trái phiếu: 462.851;
- Tổng mệnh giá: 462.851.000.000 đồng;
- Ngày phát hành: 9 tháng 7 năm 2015;
- Thời hạn trái phiếu: 42 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi suất: 8%/năm;
- Thanh toán lãi trái phiếu: Lãi sẽ được thanh toán hàng năm kể từ ngày hoàn tất cho đến ngày sớm hơn giữa (i) ngày mà trái phiếu đó đã được mua lại toàn bộ và đã được thanh toán đầy đủ tiền lãi và (ii) ngày đáo hạn;
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn;
- Điều khoản về hoán đổi: trái phiếu được quyền hoán đổi vào bất kỳ thời điểm nào sau ngày ký hợp đồng cho đến ngày đáo hạn. Quyền hoán đổi được thực hiện cho bất kỳ trái phiếu nào đang còn lưu hành tại thời điểm đó;
- Giá hoán đổi: 10.000 đồng. Tổng số cổ phần hoán đổi do nhà đầu tư nắm giữ sẽ tương đương với ít nhất 30% vốn điều lệ của Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận;
- Mục đích phát hành trái phiếu: bổ sung vốn lưu động tài trợ cho hoạt động kinh doanh;
- Tài sản đảm bảo: 20% và 30% cổ phần của Công ty BOT Trung Lương - Mỹ Thuận sở hữu lần lượt bởi CII B&R và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc.

Trái phiếu 650 tỷ phát hành cho Vietinbank năm 2014

- Mệnh giá: 1.000.000.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng: 650 trái phiếu;
- Đối tượng chào bán: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11, thành phố Hồ Chí Minh;
- Ngày phát hành: 28 tháng 2 năm 2014;
- Thời hạn trái phiếu: 5 năm;
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng một lần kể từ và bao gồm ngày phát hành cho đến, nhưng không bao gồm ngày thanh toán lãi và ngày đáo hạn;
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn;
- Lãi suất: Lãi suất trong 6 tháng đầu tiên là 12%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất áp dụng theo lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần và được xác định bằng lãi huy động tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam + biên độ 3,6%/năm;
- Mục đích: Đầu tư vào Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu, góp vốn điều lệ vào CII B&C, mua cổ phần SII, đầu tư vào dự án BOT Mở rộng Xa lộ Hà Nội và cơ cấu lại khoản vay tại Vietinbank.

Đến ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính này, Công ty đã mua lại trước hạn 581 trái phiếu tương đương tổng mệnh giá là 581 tỷ đồng.

5.15 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trái phiếu CII 11709 với tổng mệnh giá 200 tỷ đồng phát hành năm 2017

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.000.000;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không tài sản đảm bảo, được Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh - HSC đảm bảo giao dịch (khi nhà đầu tư có nhu cầu bán lại Trái phiếu thì HSC cam kết mua, và ngược lại khi nhà đầu tư có nhu cầu mua Trái phiếu thì HSC sẵn sàng bán);
- Ngày phát hành: 25 tháng 7 năm 2017;
- Phương thức phát hành: Phát hành riêng lẻ;
- Kỳ hạn: 2 năm
- Lãi trái phiếu: lãi suất áp dụng cho năm thứ 1 là 8%/năm. Năm thứ 2, lãi suất được tính bằng bình quân lãi suất huy động tiền gửi doanh nghiệp bằng VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau được công bố bởi 4 Ngân hàng: BIDV, Vietcombank, Vietinbank và Agribank +1%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

Trái phiếu CII 11713 với tổng mệnh giá 300 tỷ đồng phát hành năm 2017

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 3.000.000;
- Trái chủ: Vietnam Debt Fund SPC: 250 tỷ đồng; Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt Nam: 30 tỷ đồng và Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam: 20 tỷ đồng;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không tài sản đảm bảo,
- Ngày phát hành: 15 tháng 8 năm 2017;
- Kỳ hạn: 2 năm
- Lãi trái phiếu: 10,5%/năm
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

Trái phiếu CII 122020 với tổng mệnh giá phát hành là 300 tỷ đồng

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 3.000.000;
- Trái chủ: Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương: 60 tỷ đồng và Ngân hàng TNHH Indovina: 240 tỷ đồng;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo,
- Ngày phát hành: 29 tháng 12 năm 2017;
- Kỳ hạn: 3 năm kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: áp dụng cho 2 kỳ đầu tiên 10%/năm; các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tham chiếu của kỳ xác định lãi suất đó cộng 3,3%/năm
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.
- Tài sản đảm bảo: 7.000.000 cổ phiếu CEE đồng thời Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm thực hiện bảo lãnh không hủy ngang tất cả các nghĩa vụ thanh toán liên quan đến trái phiếu.

5.15 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trái phiếu CII_BOND2018-01 với tổng mệnh giá phát hành là 200 tỷ đồng

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.000.000;
- Trái chủ: Vietnam Debt Fund SPC: 100 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam: 50 tỷ đồng; Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long: 20 tỷ đồng và Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thành: 30 tỷ đồng;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo.
- Ngày phát hành: 23 tháng 3 năm 2018 phát hành 100 tỷ đồng và ngày 19 tháng 4 năm 2018 phát hành 100 tỷ đồng;
- Kỳ hạn: 2 năm kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 10,5%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

Trái phiếu CII_BOND2018-02 với tổng mệnh giá phát hành là 100 tỷ đồng

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 1.000.000;
- Trái chủ: Nhiều cá nhân và một số Công ty khác;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo.
- Ngày phát hành: 14 tháng 12 năm 2018;
- Kỳ hạn: 2 năm kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 10%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

Trái phiếu CII 072019 với tổng mệnh giá phát hành là 580 tỷ đồng

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 5.800.000;
- Trái chủ: Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có lãi suất cố định và có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 27 tháng 7 năm 2018;
- Kỳ hạn: 366 ngày;
- Lãi trái phiếu: 9,5%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi:
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

Trái phiếu CII 122019 với tổng mệnh giá phát hành là 100 tỷ đồng

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 1.000.000;
- Trái chủ: Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương và Công ty Quản lý quỹ Kỹ Thương, mỗi Công ty sở hữu 50 tỷ trái phiếu.
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi và không có tài sản đảm bảo.
- Ngày phát hành: 50 tỷ phát hành vào ngày 21 tháng 12 năm 2018 và 50 tỷ còn lại phát hành vào ngày 24 tháng 12 năm 2018;
- Kỳ hạn: 1 năm kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 10%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi:
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

5.15 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

Các khoản vay dài hạn:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Trong vòng một năm	97.633.127.761	191.071.334.000
Trong năm thứ hai	-	64.931.665.000
	97.633.127.761	256.002.999.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(97.633.127.761)	(191.071.334.000)
Cộng	-	64.931.665.000

Các khoản trái phiếu phát hành:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.711.851.000.000	-
Trong năm thứ hai	600.000.000.000	962.851.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm		135.000.000.000
	2.311.851.000.000	1.097.851.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(1.711.851.000.000)	-
Trừ: Các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (*)	(6.420.997.230)	(5.394.909.091)
Cộng	593.579.002.770	1.092.456.090.909

(*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ được hoàn nhập dần vào kết quả kinh doanh trong tương lai theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.16 TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	31/12/2018		Phát sinh trong năm		01/01/2018	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2017 cho RAM	1.351.079.567.945	1.357.048.000.000	-	-	1.351.079.567.945	1.357.048.000.000
Trái phiếu CII 41401	10.384.000.000	10.384.000.000	-	2.606.000.000	12.990.000.000	12.990.000.000
Cộng	1.361.463.567.945	1.367.432.000.000	-	2.606.000.000	1.364.069.567.945	1.370.038.000.000

Các trái phiếu chuyển đổi đáo hạn theo lịch biểu sau:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Trong vòng một năm	10.384.000.000	12.990.000.000
Trong năm thứ hai	452.349.000.000	454.568.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	904.699.000.000	902.480.000.000
Cộng	1.367.432.000.000	1.370.038.000.000
Trừ: Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu ghi nhận vào vốn chủ sở hữu	(5.968.432.055)	(5.968.432.055)
Cộng	1.361.463.567.945	1.364.069.567.945

5.16 TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI (TIẾP THEO)

Thông tin bổ sung cho các trái phiếu chuyển đổi chưa đáo hạn vào ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng:

Trái phiếu phát hành cho RAM

- Mệnh giá: 100.000 Đô la Mỹ;
- Số lượng chào bán: 600 trái phiếu;
- Giá chào bán: 100% mệnh giá;
- Đối tượng chào bán: Quỹ đầu tư Rhinos Vietnam Convertible Bond Private Investment Fund No. 1 thông qua các nhà đầu tư được ủy thác là Keb Hana Bank Trustee and Custodian Business (40 triệu USD) và Industrial Bank Of Korea (20 triệu USD);
- Kỳ hạn: 5 năm kể từ ngày phát hành và có thể được gia hạn năm (05) lần mỗi lần một (01) năm;
- Lãi trái phiếu: 1%/năm, được thanh toán 6 tháng/lần kể từ ngày phát hành;
- Ngày phát hành: ngày 5 tháng 1 năm 2017 đối với đợt phát hành 40 triệu USD cho RAM thông qua Keb Hana Bank Trustee and Custodian Business và ngày 11 tháng 7 năm 2017 đối với đợt phát hành 20 triệu USD thông qua Industrial Bank Of Korea;
- Mua lại trước hạn theo quyền chọn bán của Trái chủ: sau ba (03) năm kể từ ngày phát hành, với lãi suất tính giá mua lại là 3%/năm. Mệnh giá mua lại tối thiểu là 3 triệu Đô la Mỹ và là bội số của 100.000 Đô la Mỹ.
- Mua lại trước hạn theo quyền chọn bán của Tổ chức phát hành: sau ba (03) năm kể từ ngày phát hành, Công ty được quyền mua lại tối đa 50% số mệnh giá trái phiếu đã phát hành với lãi suất tính giá mua lại là 4,5%/năm. Mệnh giá mua lại tối thiểu là 3 triệu Đô la Mỹ và là bội số của 100.000 Đô la Mỹ.
- Trái phiếu được phép chuyển đổi sau một (01) năm kể từ ngày phát hành với tỷ giá quy đổi là 22.660 VND/USD và giá chuyển đổi là 38.500 đồng/cổ phần. Mệnh giá trái phiếu chuyển đổi tối thiểu là 500.000 Đô la Mỹ và là bội số của 100.000 Đô la Mỹ.
- Mục đích sử dụng vốn: tài trợ cho dự án hạ tầng BT ở Khu đô thị mới Thủ Thiêm bằng cách góp vốn vào Công ty TNHH Khu MTV Bắc Thủ Thiêm.

Trái phiếu CII 41401 phát hành tháng 6 năm 2014

- Mệnh giá: 1.000.000 đồng;
- Tổng mệnh giá phát hành: 1.081.846.000.000 đồng;
- Thời gian phát hành: tháng 6 năm 2014
- Giá chào bán: 100% mệnh giá;
- Đối tượng chào bán: Các cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên của Công ty;
- Kỳ hạn: 5 năm kể từ ngày phát hành. Trái phiếu được phép chuyển đổi sau 06 tháng kể từ ngày phát hành chia thành 06 đợt như sau:
 - + Đợt 1: 06 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 2: 12 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 3: 24 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 4: 36 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 5: 48 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 6: 60 tháng kể từ ngày phát hành.

Vào ngày đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, toàn bộ trái phiếu chưa chuyển đổi sẽ được hoàn trả vốn gốc và lãi cho trái chủ.

- Lãi trái phiếu: 12%/năm, được thanh toán 1 năm/lần kể từ ngày phát hành trái phiếu;
- Giá chuyển đổi: 11.000 VND/cổ phần;
- Phương thức chào bán: chào bán riêng lẻ;
- Ngày phát hành: ngày 23 tháng 6 năm 2014;

5.16 TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI (TIẾP THEO)

Trái phiếu CII 41401 phát hành tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

- Mục đích sử dụng vốn: Công ty đã sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu để đầu tư vào Công ty CII E&C với số tiền là 120 tỷ đồng; hoàn trả một phần nợ gốc trái phiếu phát hành năm 2007 với số tiền là 500 tỷ đồng; bổ sung vốn lưu động cho Công ty là 58,615 tỷ đồng và đầu tư vào dự án xây dựng cao ốc văn phòng 152 Điện Biên Phủ với số tiền là 230 tỷ đồng. Số tiền còn lại 173,005 tỷ đồng sẽ được tiếp tục đầu tư vào dự án xây dựng cao ốc văn phòng 152 Điện Biên Phủ. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, số tiền còn lại Công ty đang sử dụng để: (i) hỗ trợ cho Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội với số tiền là 21,58 tỷ đồng để đảm bảo tiến độ thi công cho dự án BOT mở rộng XLHN và (ii) còn trong tài khoản của Công ty tại khoản mục Tiền và các khoản tương đương tiền (150,6 tỷ đồng) và khoản mục Phải thu ngắn hạn khác (0,825 tỷ đồng).

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã tiến hành 5 đợt chuyển đổi trái phiếu với tổng số lượng trái phiếu đã chuyển đổi là 1.071.462, tương đương tổng mệnh giá là 1.071.462.000.000 đồng, số lượng cổ phiếu được chuyển đổi là 97.395.455 cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.17 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2017	2.748.282.370.000	380.201.352.877	-	(804.209.093.000)	160.185.827.426	405.353.787.487	2.889.814.244.790
Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	49.781.780.000	4.984.220.000	-	-	-	-	54.766.000.000
Phát hành trái phiếu chuyển đổi	-	-	5.968.432.055	-	-	-	5.968.432.055
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	97.856.898.111	97.856.898.111
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(132.696.699.849)	(132.696.699.849)
Hoàn nhập lợi nhuận hợp tác đầu tư đã chia cho CII B&R	-	-	-	-	-	31.032.528.097	31.032.528.097
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	32.828.130.533	(65.656.261.066)	(32.828.130.533)
Tại ngày 31/12/2017	2.798.064.150.000	385.185.572.877	5.968.432.055	(804.209.093.000)	193.013.957.959	335.890.252.780	2.913.913.272.671
Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	2.368.580.000	237.420.000	-	-	-	-	2.606.000.000
Phát hành cổ phiếu ESOP năm 2016&2017	30.000.000.000	-	-	-	-	-	30.000.000.000
Mua lại cổ phiếu trong năm	-	-	-	(47.788.780.500)	-	-	(47.788.780.500)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	37.073.809.587	37.073.809.587
Tại ngày 31/12/2018	2.830.432.730.000	385.422.992.877	5.968.432.055	(851.997.873.500)	193.013.957.959	372.964.062.367	2.935.804.301.758

5.17 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b. Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	283.043.273	279.806.415
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	283.043.273	279.806.415
+ Cổ phiếu phổ thông	283.043.273	279.806.415
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	(35.329.870)	(33.561.510)
+ Cổ phiếu phổ thông	(35.329.870)	(33.561.510)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	247.713.403	246.244.905
+ Cổ phiếu phổ thông	247.713.403	246.244.905

c. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 24 tháng 4 năm 2018, cổ tức năm 2017 tạm thời không chi trả và toàn bộ lợi nhuận của năm 2017 được giữ lại nhằm bổ sung vốn chủ sở hữu phục vụ hoạt động đầu tư.

Cổ tức năm 2018 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ 32%. Tùy thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty, ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu. Mức chi trả và hình thức trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

5.18 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu thu phí BOT tại trạm Xa lộ Hà Nội	-	374.526.800.000
hoàn vốn đầu tư dự án Cầu Rạch Chiếc		
Các khoản doanh thu khác	471.943.636	
	<u>471.943.636</u>	<u>374.526.800.000</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(41.193.977.678)
Hàng bán bị trả lại		(21.726.104.068)
Hoàn nhập lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu dự án B.O.T	-	(19.467.873.610)
Doanh thu thuần	<u>471.943.636</u>	<u>333.332.822.322</u>

5.19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn hoạt động thu phí BOT	-	294.309.652.907
Giá vốn của hoạt động khác	2.643.808.425	-
Cộng	<u>2.643.808.425</u>	<u>294.309.652.907</u>

5.20 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	279.892.735.484	271.429.873.222
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	199.560.973.606	135.786.188.924
Lãi đầu tư trái phiếu	15.600.000.000	11.001.388.889
Lợi nhuận đảm bảo từ các dự án hợp tác kinh doanh	13.544.555.520	26.273.288.600
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ cuối kỳ	385.081.830	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	110.600.000	-
Lãi chậm thanh toán	-	3.978.112.304
Doanh thu tài chính khác	-	60.664.580
Cộng	509.093.946.440	448.529.516.519

Trong đó, doanh thu phát sinh từ các giao dịch với các bên liên quan

Cổ tức, lợi nhuận được chia	279.892.735.484	271.337.389.222
Công ty CII B&R	-	100.548.395.520
Công ty CII E&C	-	21.165.112.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	10.000.000.000	12.000.000.000
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ Gia	6.000.000.000	10.000.000.000
Công ty KBTT	188.000.000.000	20.500.000.000
Công ty HNHC	65.174.989.387	51.663.798.499
Công ty NBB	-	28.614.393.000
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	9.000.000.000	13.600.000.000
Công ty VPPI	-	9.741.264.428
Công ty SGBC	1.717.746.097	3.504.425.775
Lãi tiền cho vay	138.774.432.903	96.925.533.507
Công ty CII B&R	66.183.574.429	39.615.418.531
Công ty CII E&C	8.224.754.963	13.695.387.514
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ Gia	287.332.972	803.760.417
Công ty KBTT	-	2.898.525.000
Công ty HNHC	18.145.173.514	25.746.642.810
Công ty NBB	9.846.800.054	14.033.577.013
Công ty SII	-	132.222.222
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	8.879.412.693	-
Công ty CP BOT Trung Lương Mỹ Thuận	26.814.620.253	-
Ông Phùng Văn Hiền	392.764.025	-
Lãi đầu tư trái phiếu	15.600.000.000	11.001.388.889
Công ty HNHC	-	-
Lợi nhuận đảm bảo từ các dự án hợp tác kinh doanh	13.544.555.520	26.273.288.600
Công ty NBB	-	-
Cộng doanh thu từ bên liên quan	447.811.723.907	405.537.600.218

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.21 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lãi vay	408.744.264.712	315.079.997.164
Lãi chậm thanh toán	12.858.333.976	8.750.810.623
Chi phí bảo lãnh, phát hành trái phiếu	9.989.105.277	4.497.915.550
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	-	340.550.585
Chi phí cấp tín dụng	2.064.805.556	
Lỗ và chi phí thanh lý các khoản đầu tư tài chính	3.715.597.569	9.579.426.997
Chi phí tài chính khác	3.260.828.845	2.379.471.568
Cộng	440.632.935.935	340.628.172.487

Trong đó, chi phí phát sinh từ các giao dịch với các bên liên quan:

Chi phí lãi vay	130.161.998.407	83.507.324.870
Công ty CII B&R	17.291.496.395	18.499.026.929
Công ty CII E&C	25.231.924.729	25.704.823.129
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	1.305.888.890	231.777.777
Công ty KBTT	64.667.689.812	11.047.671.259
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	4.305.075.843	5.011.422.539
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ Gia	10.488.967.783	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	255.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng 152 Điện Biên Phủ	6.026.140.824	11.397.640.269
Công ty VPPI	338.060.707	11.614.962.968
Công ty CII E&C-CC	251.753.424	
Lãi chậm thanh toán Công ty SII	12.858.333.976	8.750.810.623
Cộng chi phí từ bên liên quan	143.020.332.383	92.258.135.493

5.22 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí in vé thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ	-	1.531.036.489
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	2.460.282.191
Cộng	-	3.991.318.680

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan:

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	2.460.282.191
--------------------------------------	---	---------------

5.23 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	17.788.779.104	32.375.666.459
Chi phí đồ dùng văn phòng	77.815.853	-
Chi phí khấu hao	291.625.000	203.008.064
Thuế, phí và lệ phí	908.986.610	422.458.045
(Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng	-	379.536.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.362.848.062	7.320.068.176
Chi phí bằng tiền khác	534.564.256	1.062.965.195
Cộng	24.964.618.885	41.763.702.263

5.24 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Các khoản chi phí dự án bị truy thu theo kết luận của thanh tra Chính Phủ	-	3.286.470.000
Các khoản phạt vi phạm thuế	2.078.426.246	-
Các khoản phạt vi phạm hợp đồng kinh tế	376.889.625	-
Các khoản chi phí khác	611.549.655	26.124.396
Cộng	3.066.865.526	3.312.594.396

5.25 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	38.374.575.961	97.856.898.111
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản chi phí không được trừ	332.091.526.610	7.835.171.618
Các khoản thu nhập không chịu thuế	(293.437.291.004)	(297.703.161.822)
Thu nhập chịu thuế	77.028.811.567	(192.011.092.093)
Lỗi tính thuế năm trước mang sang	(75.208.142.362)	-
Thu nhập/(lỗ) tính thuế	1.820.669.205	(192.011.092.093)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	364.133.841	-
Thuế TNDN năm trước bổ sung	936.632.533	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.300.766.374	-

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan của Công ty là các công ty liên doanh, liên kết do Công ty thực hiện đầu tư trực tiếp hoặc đầu tư gián tiếp qua các công ty con khác như đã trình bày tại Thuyết minh số 1.3 - Cấu trúc Công ty. Ngoài các số dư và giao dịch đã được trình bày ở các thuyết minh trên, trong kỳ Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Công ty CII B&R		
Cho vay	-	549.577.380.000
Thu hồi tiền vay thông qua cản trừ công nợ với bên thứ 3	50.477.000.000	-
Thu hồi tiền cho vay	-	54.650.000.000
Chia lợi kết quả kinh doanh hợp đồng hợp tác đầu tư quyền thu phí giao thông trạm Xa Lộ Hà Nội	-	(31.032.528.097)
Nhận hỗ trợ vốn từ công ty con	-	197.045.000.000
Hoàn trả vốn công ty con hỗ trợ	31.024.740.657	245.332.569.783
Thực hiện bù trừ công nợ	293.955.257.811	-
Thanh toán tiền lãi vay cho công ty con	8.045.259.343	-
Chi phí thuê mặt bằng	915.880.910	590.892.000
Thanh toán tiền thuê mặt bằng	915.880.910	-
Công ty SII		
Thanh toán giá trị chuyển nhượng dự án Diamond Riverside	-	20.500.000.000
Cho vay	-	40.000.000.000
Thu hồi tiền cho vay	-	40.000.000.000
Công ty CII E&C		
Cho vay	1.381.491.506.849	968.813.888.889
Thu hồi tiền cho vay	893.565.152.082	759.975.609.198
Công ty con thanh toán lãi vay	2.434.847.918	-
Công ty con thanh toán tiền cổ tức và tiền lãi cho vay	21.165.112.000	-
Nhận hỗ trợ vốn từ công ty con	699.904.635.000	247.000.000.000
Hoàn trả vốn hỗ trợ cho công ty con	160.165.270.776	15.583.188.649
Thanh toán chi phí sử dụng vốn cho công ty con	25.834.729.224	-
Thực hiện cản trừ công nợ vay và cho vay	493.716.261.812	213.845.387.514
Công ty CP Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ		
Cho vay để thực hiện dự án	209.239.396.413	-
Thu hồi tiền cho vay	103.650.000.000	-
Nhận tiền để ký quỹ hộ thực hiện dự án	-	13.454.000.000
Hoàn trả vốn hỗ trợ cho công ty con	1.980.120.361	-
Thanh toán chi phí sử dụng vốn cho công ty con	1.219.879.639	-
Chuyển giao chi phí dự án	5.128.086.851	90.904.970.004
Bù trừ công nợ	76.251.100.659	114.463.132.545

6.1 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ Gia		
Cho vay	-	-
Thu hồi tiền cho vay	7.550.000.000	-
Công ty con thanh toán tiền lãi vay	2.227.263.528	-
Công ty con thanh toán tiền cô tức	16.000.000.000	-
Nhận hỗ trợ vốn từ công ty con	177.500.000.000	-
Hoàn trả vốn hỗ trợ cho công ty con	12.276.213.333	-
Thanh toán chi phí sử dụng vốn cho công ty con	8.513.166.667	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu		
Hoàn trả vốn hỗ trợ cho công ty con	3.704.830.737	9.457.301.591
Thanh toán chi phí sử dụng vốn cho công ty con	4.565.169.263	-
Chuyển giao chi phí dự án	6.666.582.044	-
Bù trừ công nợ	7.012.821.047	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII		
Nhận hỗ trợ vốn từ công ty con	-	16.100.000.000
Hoàn trả vốn hỗ trợ cho công ty con	-	-
Bù trừ lợi nhuận phải thu với nợ gốc và lãi vay	17.637.666.667	-
Công ty KBTT		
Góp vốn trong năm	578.369.000.000	911.480.000.000
Nhận hỗ trợ vốn từ công ty con	867.158.380.000	461.911.977.290
Hoàn trả vốn hỗ trợ cho công ty con	406.519.013.210	36.600.000.000
Thanh toán chi phí sử dụng vốn cho công ty con	13.580.986.790	-
Chuyển giao chi phí dự án	-	1.149.819.808.910
Cho vay	-	466.568.000.000
Thu hồi tiền cho vay	-	469.568.000.000
Bù trừ lợi nhuận phải thu với nợ gốc và lãi vay	154.002.741.368	-
Công ty VPII		
Công ty con mua lại cổ phần để giảm vốn điều lệ	-	624.998.020.000
Nhận hỗ trợ vốn từ công ty con	-	123.000.000.000
Hoàn trả vốn hỗ trợ cho công ty con	-	303.526.294.994
Công ty HNHC		
Cho vay	148.772.000.000	221.616.000.000
Thu hồi tiền cho vay	220.548.535.961	24.410.000.000
Công ty con thanh toán tiền lãi vay và lãi trái phiếu	25.980.682.222	-
Đầu tư trái phiếu	-	180.000.000.000
Chuyển trái phiếu thành vốn góp	180.000.000.000	-
Chuyển nợ thành vốn góp	90.676.000.000	-
Thu hồi các khoản đã chi hộ công ty con	7.557.170.706	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.1 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Công ty SGBC		
Công ty con chuyển tiền mua lại cổ phần để giảm vốn điều lệ	27.103.001.131	28.857.397.569
Công ty CII E&C-CC)		
Nhận hỗ trợ vốn từ công ty con	25.000.000.000	-
Hoàn trả vốn hỗ trợ cho công ty con	-	-
Công ty NBB		
Góp vốn hợp tác đầu tư dự án Lagi	10.000.000.000	71.068.671.233
Thu hồi tiền cho vay		84.118.693.596
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận		
Góp vốn hợp tác đầu tư dự án BOT Trung Lương Mỹ Thuận	505.500.000.000	-

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lương	5.103.481.540	4.333.926.023
Thưởng và các khoản thu nhập khác	3.890.711.270	16.490.026.935
Cộng	8.994.192.810	20.823.952.958

6.2 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ		
Chuyển giao dự án XD CB cho công ty con thông qua việc cần trừ công nợ	11.794.668.895	90.904.970.004
Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	2.606.000.000	54.766.000.000
Tăng vốn trong công ty liên kết thông qua hoán đổi trái phiếu và nợ	270.676.000.000	-
Chuyển giao khoản vay ngân hàng cho công ty con	-	620.041.964.054
Chi tiết tiền thực chi góp vốn vào đơn vị khác		
Chi đầu tư vào công ty con	593.276.120.383	1.519.007.571.524
Chi đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	250.573.362.607	315.351.012.432
Trả trước tiền mua khoản đầu tư vào công cụ vốn trong tương lai	107.965.612.763	-
	951.815.095.753	1.834.358.583.956

6.2 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi tiết tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
Thu từ chuyển nhượng công ty con	-	289.775.874.010
Thu từ chuyển nhượng công ty liên doanh, liên kết	-	5.408.235.294
Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	31.634.497.569	25.141.800.000
	31.634.497.569	320.325.909.304
Số tiền đi vay thực thu trong năm:		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	1.163.046.841.097	1.737.093.999.125
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	1.211.861.937.407	560.000.000.000
Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi	-	1.357.048.000.000
Tiền thu từ đi vay các Công ty trong tập đoàn	1.847.612.300.592	1.097.098.766.632
	4.222.521.079.096	4.751.240.765.757
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	1.186.167.188.100	1.436.195.474.565
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	6.000.000.000	372.000.000.000
Tiền trả nợ vay các Công ty trong tập đoàn	1.404.412.214.871	659.452.926.684
	2.596.579.402.971	2.467.648.401.249

6.3 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty đã đăng ký mua thêm 5.000.000 cổ phiếu CEE của Công ty CII E&C. Thời gian thực hiện giao dịch là từ ngày 28 tháng 2 năm 2019 đến ngày 28 tháng 3 năm 2019. Mục đích thực hiện giao dịch nhằm để tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại công ty CII E&C. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã giao dịch thành công 1.197.000 cổ phiếu, nâng tỷ lệ sở hữu từ 54,97% lên 58,01%.

Ngày 25 tháng 2 năm 2019, Công ty đã phát hành thành công 370.000 trái phiếu riêng lẻ có giá trị 370.000.000.000 đồng cho Công ty TNHH Thanh Sơn Số Bốn Việt Nam. Đây là các trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo, không kèm chứng quyền với kỳ hạn 3 năm kể từ ngày phát hành. Lãi suất là 9,5%/năm, được cố định cho toàn bộ kỳ hạn của trái phiếu. Gốc của trái phiếu được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn. Lãi của trái phiếu được thanh toán 01 năm/lần.

Tính đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã mua thành công 5.226.450 cổ phiếu NBB, tăng số lượng nắm giữ cổ phiếu NBB từ 43.003.142 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ sở hữu 44,14% (trên tổng số 97.432.174 cổ phiếu NBB đang lưu hành) lên thành 48.229.592 cổ phiếu NBB, chiếm tỷ lệ sở hữu 48,07% (trong tổng số 100.336.256 cổ phiếu NBB đang lưu hành).

Tháng 11 năm 2018, Công ty đã đạt được thỏa thuận với Guarantco về việc Guarantco thực hiện bảo lãnh thanh toán cho trái phiếu do Công ty phát hành với tổng giá trị là 1.150 tỷ đồng, thời hạn trái phiếu là 10 năm, lãi suất khoảng 7%/năm. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã phát hành đủ giá trị trái phiếu mà Guarantco bảo lãnh.

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài các sự kiện đã nêu trên, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

6.4 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.15 và số 5.16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	150.987.469.216	243.343.487.530
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.706.948.638.868	3.137.672.320.400
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	79.673.766.741
Đầu tư tài chính dài hạn khác	5.395.276.927.877	4.489.608.842.456
Cộng	9.253.213.035.961	7.950.298.417.127
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	6.220.022.559.716	4.692.770.083.619
Phải trả người bán và phải trả khác	299.972.272.336	387.730.334.303
Cộng	6.519.994.832.052	5.080.500.417.922

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

6.4 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu và đã thực hiện việc trích lập dự phòng các khoản đầu tư. Tham chiếu thuyết minh 5.11.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn là các công ty con, công ty liên doanh liên kết trong tập đoàn và các đối tác chiến lược của Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

6.4 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Tại 31/12/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	299.972.272.336	-	299.972.272.336
Các khoản vay	4.264.979.989.001	1.955.042.570.715	6.220.022.559.716
Cộng	4.564.952.261.337	1.955.042.570.715	6.519.994.832.052

Tại 01/01/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	246.434.823.503	141.295.510.800	387.730.334.303
Các khoản vay	2.171.312.759.765	2.521.457.323.854	4.692.770.083.619
Cộng	2.417.747.583.268	2.662.752.834.654	5.080.500.417.922

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	150.987.469.216	-	150.987.469.216
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.267.857.963.963	1.439.090.674.905	3.706.948.638.868
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	5.395.276.927.877	5.395.276.927.877
Cộng	2.418.845.433.179	6.834.367.602.782	9.253.213.035.961

Tại 01/01/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	243.343.487.530	-	243.343.487.530
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.193.574.021.587	944.098.298.813	3.137.672.320.400
Đầu tư tài chính ngắn hạn	79.673.766.741	-	79.673.766.741
Đầu tư tài chính dài hạn khác	180.000.000.000	4.309.608.842.456	4.489.608.842.456
Cộng	2.696.591.275.858	5.253.707.141.269	7.950.298.417.127

6.5 SÓ LIỆU SO SÁNH

Thông tin so sánh là Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác - Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc Tế (Tp. Hà Nội).

Một vài số liệu của kỳ báo cáo trước đã được trình bày lại để đảm bảo có thể so sánh với số liệu của kỳ này. Cụ thể: các khoản vay của các Công ty và cá nhân không phải là tổ chức tín dụng đã được phân loại từ khoản mục Phải trả ngắn hạn khác sang Khoản mục vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn. Chi tiết như sau:

Khoản mục	Mã số	Số đã báo cáo 31/12/2017	Phân loại lại	Số trình bày lại (01/01/2018)
		VND	VND	VND
Phải trả ngắn hạn khác	319	1.487.783.457.381	(1.248.525.042.823)	239.258.414.558
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	922.787.716.942	1.248.525.042.823	2.171.312.759.765

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2019


Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Người lập biểu


Nguyễn Thị Mai Hương
Kê toán trưởng


Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

Số : 191/2019/CV-CII

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2019

*V/v: giải trình chênh lệch sau kiểm toán báo cáo
tài chính công ty mẹ năm 2018*

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh (CII) giải trình Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 so với báo cáo cùng kỳ năm trước 2017 và giải trình chênh lệch một số chỉ tiêu trọng yếu trong báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 (số liệu kiểm toán) so với báo cáo tài chính công ty mẹ quý 4 năm 2018 đã lập (số liệu trước kiểm toán) như sau:

- So sánh với kết quả hoạt động kinh doanh năm trước: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2018 đạt 37,1 tỷ đồng, giảm 62,11% so với cùng kỳ năm trước (97,9 tỷ đồng), do các nguyên nhân sau:
 - Trong năm 2018, công ty không phát sinh khoản doanh thu từ hoạt động thu phí hoàn vốn dự án cầu Rạch Chiếc mới (trạm thu phí Xa lộ Hà Nội) (đây là khoản lợi nhuận đáng kể cùng kỳ năm ngoái);
 - Chi phí lãi vay tăng so với cùng kỳ năm trước.
- Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 4 năm 2018 đã công bố so với báo cáo tài chính năm 2018 được soát xét, có sự chênh lệch chủ yếu ở một số chỉ tiêu trước và sau kiểm toán như sau:

ĐVT: đồng

Tài sản	Mã số	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	515.380.624.662	509.093.946.440	(6.286.678.222)
4. Chi phí tài chính	22	442.137.177.989	440.632.935.935	(1.504.242.054)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	43.411.733.084	38.374.575.961	(5.037.157.123)

Có sự chênh lệch tại mã số 21 là do điều chỉnh giảm khoản lợi nhuận được chia từ công ty khác và chênh lệch tại mã số 22 là do điều chỉnh giảm chi phí lãi vay do trích chi phí thừa. Vì vậy, dẫn đến lợi nhuận trước thuế giảm tương ứng.

Trân trọng.



LÊ QUỐC BÌNH

Nơi gửi:

- Như trên
- Lưu: VP. P.TC-